TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **10**/2023/QĐST- HNGĐ	*Đồng Nai, ngày 17 tháng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Thành Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà.

2. Bà Lê Thị Hồng Anh.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 136/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thanh H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: 259/8/8, khu phố 1, phường L, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: R133, đường N2, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông B, sinh năm 1990

Địa chỉ: Vương Quốc Anh.

Địa chỉ liên lạc: United Kingdom.

Chỗ ở tại Việt Nam: Tầng 10, Tòa S802.10, đường P, Khu Dân cư và công viên P, phường L, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông B: Luật sư Lê Hoàng Chương, Luật sư Huỳnh Thị Mỹ H – Công ty Luật TNHH MTV C – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 284/9 đường T, phường X, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người phiên dịch của ông B: Ông Nguyễn Hà Thanh V, sinh năm 1992.

Địa chỉ liên lạc: 284/9 đường T, phường X, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thanh H và ông B thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Bà Đoàn Thanh H và ông B có 01 con chung là cháu A, sinh ngày 24/6/2015. Bà Đoàn Thanh H và ông B thỏa thuận giao cháu A cho bà H nuôi dưỡng, ông B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 14.000.000đồng (Mười bốn triệu đồng) kể từ ngày 17/01/2023 cho đến khi cháu A trưởng thành và có khả năng lao động.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ông B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại các Điều 71, 72, 73, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. (Trong đó đã bao gồm 08 quyền mà ông B đã yêu cầu như được biết địa chỉ nơi cư trú của con; được quyền tiếp xúc, nói chuyện với con; được quyền chăm sóc con khi con đau ốm; được quyền dẫn con đi chơi vào các ngày nghỉ trên cơ sở không ảnh hưởng đến sinh hoạt, cuộc sống hàng ngày của con.)

Vì lợi ích của con và khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con và yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

2.4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Bà Đoàn Thanh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003627 ngày 05/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Ông B phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn bà Đoàn Thanh H phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp và chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;

- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Phạm Thành Dương